

những người lao công bắt đầu làm việc. Tôi chột chạnh lòng, chột thương xót cho cuộc sống vất vả, cơ cực của những người lao động nghèo, giống như chị tôi, như mẹ tôi vẫn hàng ngày tần tảo nơi quê nhà.

Tôi không bao giờ quên được hình ảnh của những đêm Hà Nội. Đó là lúc tôi tạm gác bỏ lại bài vở và những công việc mưu sinh trong ngày để đến với những đứa trẻ mồ côi ở làng Birla để dạy các em học bài, học hát và vui chơi. Những đứa trẻ thiệt thòi đầy mặc cảm đó cứ thu mình lại, khó gần, khó bảo nhưng rồi một ngày cũng quán quýt lấy chúng tôi. Những đứa trẻ đánh giầy quê Mỹ Đức, Hà Tây đang ở trọ nhà chú Quang làng Quan Hoa, quận Cầu Giấy lại vô cùng lạ lẫm với những con số, với chữ nghĩa mà có lẽ ngoài việc nhắm tính số tiền kiếm được và chi tiêu hàng ngày ra thì chúng chẳng bao giờ dùng đến. Những đứa trẻ con các gia đình nghèo, gia đình chính sách trong khu tập thể Nghĩa Tân và nhiều nơi khác thì mới 8 giờ tối đã ngáp ngấn ngáp dài, ngồi học bài mà cứ ngủ gà ngủ gật vì ban ngày quá vất vả khi phải vừa đi học, vừa đi làm. Những đứa trẻ khiếm thị trường Nguyễn Đình Chiểu thì vẫn luôn âm thầm tự khẳng định mình với khát khao

học chữ, học nghề... Chúng tôi cùng các em vui chơi, tổ chức những đêm trung thu từng bưng cho các em tại công viên Bách Thảo, tại Bảo tàng Không quân, Công viên Thủ Lệ, Gò Đống Đa... Tất cả các em dường như đã hoà làm một, đã tìm được tiếng nói chung từ tuổi thơ nghèo lam lũ và thiệt thòi.

Tôi yêu và quý trọng vô cùng giới trẻ Hà Nội, những thanh niên sống có lý tưởng, ước mơ và hoài bão. Rất nhiều trong số những bạn bè của tôi, những người tôi gặp trong câu lạc bộ Tình nguyện Trẻ của báo Sinh viên Việt Nam là những cô chiêu, cậu ấm dùng toàn đồ hiệu, có xe máy riêng, có điện thoại di động nhưng họ vẫn cùng chúng tôi đi dọn vệ sinh ở Công viên Đống Đa, Tuổi Trẻ, Bách Thảo, ở Nghĩa trang liệt sỹ Ngọc Hồi... Họ sẵn sàng xắn tay áo, dùng tay không để bốc rác và hoàn thành tất cả công việc dù bị gai và mảnh phế liệu cào tưa máu. Họ cũng sẵn sàng xắn quần lội xuống nước hồ đen ngòm để vớt rác, đi trồng cây. Rồi tối đến, họ cũng hăm hở đến với những trẻ em thiệt thòi, mang hết tri thức, tình thương và lòng nhiệt tình của mình dành cho các em. Những đêm khuya khoắt, họ vẫn lang thang quanh ga Hà Nội, quanh Hồ Gươm,

chợ Đồng Xuân, cầu Mới, cầu Long Biên... để tiếp xúc và gặp gỡ những em bé đánh giầy, những đứa trẻ lang thang hư hỏng để lắng nghe nguyện vọng của các em, giúp các em học chữ và nhiều đêm, họ sẵn sàng ngủ cùng những đứa trẻ này trong gầm cầu, trong những chiếc quán bên chợ như nhóp, không chần chiu, không màn để sáng hôm sau chân tay mặt mũi sưng vù vì muỗi đốt. Nhưng tất cả vẫn cười hạnh phúc và lại hăm hở làm mọi công việc tình nguyện. Khi được sống cuộc sống của những người nghèo, họ hiểu rằng mình đang sống những ngày tháng đầy ý nghĩa, có ích cho mọi người, để rồi lại cùng nhau tổ chức những ngày quyên góp sách vở, quần áo, đồ dùng học tập gửi tặng học sinh Tuyên Quang, ủng hộ đồng bào lũ lụt Thừa Thiên Huế, đồng bào Bình Thuận... Họ đến từng nhà vận động, phát tờ rơi, bỏ công việc để ngồi trực nhận đồ quyên góp, tất tả phóng xe đến nhận sách vở, quần áo của những gia đình không mang đến được. Tất cả rất bận rộn, rất mệt nhưng rất vui, nhất là lúc phân loại, đóng gói và chuyển đi khi thấy số lượng quyên góp được khá nhiều. Và cũng đã nhiều lần chúng tôi cùng nhau nô nức kéo đến Viện huyết học và truyền máu ở Bệnh viện

Bạch Mai để hiến máu nhân đạo. Những ngày tháng ấy thật ý nghĩa. Những con người trẻ tuổi ấy thật sôi nổi, nhiệt tình và đáng yêu vô cùng.

Tôi không sinh ra và lớn lên ở Hà Nội nhưng tôi đã có gần mười năm sống, làm việc và học tập nơi mảnh đất thân thương này. Đó là những ngày tháng đủ cho tôi hiểu rằng: cuộc sống dù cơ cực, vất vả đến đâu, dù bon chen, khắc nghiệt đến đâu, cuối cùng cái còn lại vẫn là tình yêu thương giữa con người với con người, là những giờ phút được sống một cuộc sống đầy ý nghĩa.

Mai xa Hà Nội rồi, tôi chợt muốn bật khóc thật to như một đứa trẻ sắp phải xa nhà. Bao kỷ niệm thân thương, bao hình ảnh quen thuộc và bao gương mặt mến yêu bỗng chốc trở nên xa vời và lùi dần vào ký ức. Thời gian vẫn lặng lẽ trôi. Chúng tôi mỗi người đang bắt đầu xây dựng cho mình một cuộc sống mới với bộn bề công việc. Tất cả đã làm kỷ niệm - những kỷ niệm luôn in đậm trong tâm trí tôi suốt cả cuộc đời.

Hà Nội, 8-2000

QUÊ NHÀ

Chẳng mấy ai nuối tiếc tuổi học trò ở một miền quê bình lặng và nghèo đói xác xơ mà bây giờ có kể lại, lũ trẻ con trong làng, trong xóm cũng không thể nào hiểu hết được. Ngày xưa... lại cái ngày xưa ấy của bà, của mẹ, cái ngày xưa của những câu chuyện cổ xa xăm và cả chuyện của chúng tôi những ngày ấu thơ đi học cũng đã trở thành chuyện ngày xưa một thuở...

Những đứa trẻ ở những miền quê thường bắt đầu vào đời bằng những lời ru của mẹ. Tôi cũng vậy, những lời ru ngọt ngào ấy đã đưa tôi vào giấc ngủ tuổi thơ dịu êm, đã nâng cánh cho những ước mơ còn non dại và bé bỏng của tôi khôn lớn.

Cái xóm Trại nhỏ bé của chúng tôi có rất nhiều ao tù nên mùa mưa nước thường dâng cao ngập cả lối đi. Đầu xóm có một con dốc nhỏ, đất trơn nên mỗi ngày mưa đi học, bố lại chặt cho tôi một chiếc gậy tre để chống cho khỏi ngã. Đi học, xắn quần lò xo, rông rảnh cùng nhau lội nước qua ngõ thích lắm. Nhưng cũng có đứa sợ đĩa, kêu ré lên. Nhiều lần thành quen, ngay cả khi xuống dốc hay lên dốc ở đầu ngõ vào những ngày mưa, bọn tôi đã biết cách cuốn gọn áo mưa quanh người để khi ngã hoặc nằm hoặc ngã phệt xuống đất cũng chỉ bắn áo mưa, gột đi là xong, quần áo vẫn có thể mặc đến lớp được.

Lũ trẻ xóm tôi khá đông, đứa nào cũng chân trần đi học, tóc đỏ hoe, quần tít. Mỗi khi đến lớp, đứa thì léch thếch mang em đi theo vì phải trông em cho bố mẹ đi làm, ngồi trong lớp nhiều khi phải đỡ em đến chỗ, có khi em bé đái dầm lại phải thay quần, giặt cho em. Có đứa thì mang theo trâu bò đến thả ngoài sân trường, vừa học vừa trông, có khi mãi học quá để trâu ăn lúa phải khóc mếu chạy theo xin mãi người ta mới cho. Cô

giáo thương lũ học trò chúng tôi lắm, thường mang chiếu trải ra góc lớp cho lũ em của tụi tôi chơi với nhau và đồ chúng rất khéo. Đứa nào có trâu bị bắt, cô lại đứng ra bảo lãnh, để được mang trâu về.

Ngày ấy, chúng tôi ham đọc sách lắm, thường sau mỗi giờ học lại cắt cỏ, lấy rau lợn, quét dọn cho thằng Tí béo xóm Lu để nó cho mượn những cuốn truyện nhỏ xinh xinh về nhà ngấu nghiến đọc bên ánh đèn dầu, có khi ngủ quên, gạt tay đổ đèn dầu vào màn, cháy màn đã sợ gần chết còn bị mẹ trói vào cột, lấy roi đánh lẫn cả mông. Mẹ bảo đánh thế cho nhớ lâu. Tuy bị đánh nhưng chẳng thằng nào chừa. Những lần mẹ đi chợ, tôi vẫn bảo mẹ dành tiền đừng mua quà vài lần để mua cho tôi một quyển truyện xinh xinh về nhà đọc vì mua quà về vừa phải nhường em mà muốn đọc truyện thì lại phải đi làm thuê mệt lắm. Tuy vậy nhưng những lần làm tốt công việc mẹ vẫn mua quà và thưởng cho tôi vài cuốn truyện nhỏ.

Nhưng có lẽ nhớ nhất là được ăn cơm nắm chấm muối vừng. Bọn tôi thường được ăn sáng bằng một nắm cơm. Cơm được nắm từ tối hôm trước vừa nhuyễn, vừa mịn, lúc nguội, ăn hơi cứng vỏ mềm ruột là ngon. Lấy dao xắt nắm cơm ra thành từng múi trông thật ngon. Cắn một miếng, nhai kỹ mới thấy vị ngọt tiết ra từ đầu lưỡi. Được nằm dài dưới bóng cây bên triền đê lộng gió

mà nhai cơm nắm chấm muối vừng vừa giòn ngọt, bùi bùi cảm thấy thật thú vị. Buổi sáng, mẹ thường dậy sớm lo việc trong nhà. Khi tôi ngủ dậy, mẹ xắt cơm nắm cho tôi ăn để còn kịp đến trường học sáng rồi mẹ lại tất tả đi làm. Những lúc ấy, cầm nắm cơm tôi thấy lòng ấm lạ. Tôi thương mẹ quá! Cả cuộc đời chắt chiu những ngọt bùi của cuộc sống lam lũ, vất vả, mẹ dồn cả vào lời ru và những nắm cơm để nuôi con khôn lớn...

Bọn trẻ quê tôi ngày đó tuy vất vả từ nhỏ nhưng được cái hiếu thảo, biết vâng lời ông bà, cha mẹ. Những lúc ông rỗi rãi, chúng tôi thường quây quần bên ông, đưa mang điều cày, đưa mang đóm và bật lửa cho ông hút thuốc, đưa trái chiếu rồi ngồi nghe ông kể chuyện, ngâm thơ. Thích nhất là sau những kỳ thi, ông lại thưởng cho những đứa cháu nào học giỏi. Phần thưởng khi là chiếc bút bi, khi là chiếc bút máy Trường Sơn, vài quyển vở, có khi là vài cuốn truyện tranh... Phần thưởng tuy nhỏ nhưng đứa nào cũng thích, ngay cả lúc ngủ cũng ôm khư khư như sợ ai lấy mất.

Bây giờ, giậu mồng tơi bên vườn mà ngày nào tuổi thơ của chúng tôi vẫn cùng nhau đuổi bướm, bắt chuồn chuồn, những ao bèo bên xóm mà chúng tôi vẫn cùng nhau đuổi bắt đom đóm vào những đêm trăng sáng... đang dần dần không còn nữa. Thay vào đó là những

ngôi nhà trần, nhà ngói, là những bức tường cao và một thế hệ học trò đã hầu như không còn biết khổ. Cuộc sống đã đổi mới cả khoảng trời quê vốn bình lặng, êm ả, đổi mới cả những con người lam lũ nhưng thanh thản với cuộc sống mộc mạc, giản dị. Những thế hệ học trò sau chúng tôi, cuộc sống có sung túc hơn nhưng liệu họ có còn thấy được dòng sông xanh trải mình trên đồng lúa phì nhiêu thẳng cánh cò bay, uốn mình trên những mái xóm bình yên có khói lam chiều quyến luyến, len lỏi dưới những chân đôi nở trắng hoa mua, đâu có thấy được cuộc sống lam lũ mà bình lặng, đâu có được ăn những nắm cơm có cả vị mặn của mồ hôi... Như vậy thì họ làm sao có thể hiểu sâu sắc được vùng quê mình đang sống, làm sao có thể cảm nhận được một cách tinh tế những rung động từ sâu thẳm tâm hồn của quê nhà.

Giờ học xa quê, nhiều lúc mệt mỏi với bài vở và cuộc sống bon chen nơi đô thị, tôi lại thả hồn mình về với những kỷ niệm ngày xưa. Nhìn khói bếp cay bay lên từ mái bếp gầy lại nghe thềm bữa cơm đạm bạc mà đậm ấm tình cảm gia đình đến lạ. Có lẽ chính điều đó giúp cho tôi có thêm một phần tình yêu cuộc sống từ quê nhà bình dị và thân thương.

Tháng 10-1996

C HÙA BÀ ĐANH

Nằm bên tả ngạn sông Đáy, về phía Tây Bắc của thị xã Phủ Lý (Hà Nam) chừng 10 cây số, Chùa Bà Đanh giờ đây không còn hoang sơ như trước nhưng vẫn mang dáng dấp cổ xưa với sự vắng vẻ, trầm tịch. Trong những ngày hè này, đi vãng cảnh chùa, trở về với nơi thâm thiên, nghe tiếng chuông, tiếng mõ ngân

● HOÀNG TRỌNG MUÔN ●

mùa hoa lộc vừng • ký và tản văn

vang lúc nhạt lúc thưa mới cảm nhận hết ý nghĩa của cuộc sống trần tục.

Du khách đến vãng cảnh Chùa Bà Đanh thường bắt đầu xuất phát từ núi Cấm (Thôn Quyển Sơn, xã Thi Sơn, Kim Bảng, Hà Nam), sau khi đã mệt phờ bởi trèo núi hoặc chui sâu vào Ngũ Động Sơn để mục sở thị những cảnh quan thiên nhiên kỳ thú. Bước chân xuống đèo, phóng tầm mắt nhìn khắp một vùng sông nước mênh mông, đón nhận những làn hơi nước mỏng tang theo gió tấp vào người, vào mặt mát lạnh và nghe tiếng chèo khua nước lồm bồm, mọi cảm giác mệt nhọc chợt tan biến đi như chưa bao giờ có, thay vào đó là cảm giác nhẹ nhàng, thư thái. Mọi người dễ bị choáng ngợp trước quang cảnh hùng vĩ, bao la của những dãy núi đá vôi sừng sững, điệp trùng soi mình bên hữu ngạn sông Đáy. Dưới chân núi, những bông hoa mua trắng muốt loà xoà trên mặt nước. Bên tả ngạn sông là những thôn xóm bình yên, nhà cửa san sát nằm thành thoi dưới những luỹ tre xanh mượt đang chờn vờn những dải khói lam. Hơn nửa tiếng đồng hồ ngồi trên đò, chúng tôi đã tới chân núi Ngọc, một hòn núi nhỏ nằm trong khuôn viên của chùa. Tại đây mọi người có thể nằm dài trên những

phiến đá hay dựa người vào những rễ đa cổ thụ để nghỉ ngơi, thư giãn.

Nơi đây không khí thật trong lành và vắng vẻ như trên một hoang đảo khi trước mặt núi Ngọc là dòng sông Đáy nước chảy hiền hoà. Phía bên trong là một thung lũng nhỏ mọc đầy hoa dại và chuối rừng. Trên núi, nhiều tảng đá tương đối bằng phẳng do tạo hoá xếp đặt sẵn như những tấm phản ngoài trời, giữa thiên nhiên mát mẻ. Sát mép sông, cây đa cổ thụ với 99 chiếc rễ dài như những cánh tay lực sĩ bám chặt vào các vách đá trên khắp sườn núi tạo ra những chiếc vồng nho nhỏ cho du khách. Những chiếc rễ đa được gắn liền với những huyền thoại đã được mọi người đến đây khắc đầy tên tuổi của mình như những dấu ấn và cũng là những điều cầu mong về mọi sự tốt lành. Đâu đây vang lên những tiếng chim líu lo, trong trẻo, tiếng gà gáy trưa từ trong làng vọng ra gợi lên sự yên ả, thanh bình. Tôi thấy lòng mình chợt chùng xuống và bất chợt tự chất vấn mình về những hành động, cách cư xử của mình trong những ngày đã qua.

Xuống khỏi núi Ngọc, chúng tôi lạc vào một rừng cây nhỏ bao quanh chùa. Nơi đây trước là một khu rừng

rậm rạp nhưng đã bị con người khai thác đến kiệt quệ và tàn lụi. Chỉ có những cây công nghiệp do những người dân quanh đây mới trồng đang chen nhau mọc xanh tốt cả một dải đất dài. Giữa bạt ngàn những cây sắn củ, vẫn còn lác đác những cây lâu năm, dấu vết sót lại của cánh rừng thuở trước, trong đó có những cây vả, cây lộc vừng, cây duối, cây muôm có tuổi đời từ trên 100 năm đến 200 năm. Giá như lúc này có được chiếc võng để mắc vào thân cây thì thích biết mấy. Sẽ có một giấc ngủ trưa tuyệt vời giữa sự bình yên và râm mát.

Chùa Bà Đanh là nơi linh thiêng để cầu lộc cầu tài. Nhiều học sinh sinh viên dù ở nơi rất xa xôi cũng về tận đây cầu mong chuyện học hành, thi cử đỗ đạt và có được tình yêu lâu bền, vĩnh cửu. Sư chủ trì của nhà chùa là sư bà, tính tình khá vui vẻ, hoà nhã. Sư bà kể cho chúng tôi nghe về truyền thuyết Bà Đanh với một giọng nói chậm rãi, nhỏ nhẹ khắc sâu vào tâm khảm người nghe. Bà Đanh còn được gọi là Đức Thánh Bà làng Đanh hay bà chúa Đanh. Chuyện kể lại rằng, ngày xưa, lâu lắm rồi, vào một năm nọ, thời tiết bỗng nhiên trở nên vô cùng khắc nghiệt. Có một thời gian rất dài, nắng như đổ lửa. Nắng đến khô cháy cành cây ngọn cỏ. Nắng đến

cạn khô nứt nẻ các dòng sông mà mãi chẳng có một giọt mưa nào khiến cho nhân dân ở đây không thể làm ăn sinh sống nổi. Rồi sau đó là mưa. Mưa thổi đất thổi cát. Mưa xối xả như trút nước hết ngày này đến ngày khác làm cho lũ lụt triền miên. Nhiều người đã chết đói, nhiều người khác phải đi tha phương cầu thực. Già làng vì thế lo lắng đến mất ăn mất ngủ. Một đêm, già làng nằm mơ thấy một nàng tiên trẻ đẹp hiện ra, xin được về giúp dân làng. Sau đó, dân làng liền lập một ngôi chùa nhỏ trong rừng cây cổ thụ ở đầu làng, gần sông nước và cạnh hòn núi Ngọc để thờ nàng tiên ấy. Chùa xây dựng xong, một hôm, trời đất bỗng nhiên tối sầm lại, sấm nổ vang rền. Một cơn gió lớn đã cuốn đổ cây mít ngàn năm tuổi linh thiêng trong khu rừng. Dân làng biết là điềm báo, liền lấy gỗ mít tạc tượng nàng tiên để thờ. Khi tượng tạc xong, thời tiết hết khắc nghiệt, mưa thuận gió hoà, cuộc sống lại bắt đầu sinh sôi nảy nở. Từ đó, ngôi chùa này được gọi là chùa Bà Đanh. Do ngôi chùa nằm nơi rừng sâu nên rất vắng vẻ. Trước đây, khi còn đi học, chúng tôi vẫn thường được nghe mọi người ví von: "Vắng như chùa Bà Đanh" mà cứ nghĩ đó là một nơi nào xa tít tắp. Lớn lên, được nghe mọi người kể lại, được đi

đây, đi đó nhiều nơi, tôi mới biết đó là ngôi chùa trên mảnh đất của quê hương mình, cách làng tôi không bao xa, càng thêm tự hào hơn khi biết rằng, ngôi chùa và câu thành ngữ kia đã ăn sâu vào đời sống dân gian khắp nơi trên cả nước.

Xuống đò, trở lại núi Cấm mà lòng tôi còn vương vấn nơi cảnh thiền với câu chuyện về bà chúa Đanh đã giúp dân làm ăn sinh sống; cảm tưởng như mình vừa bước ra từ một cõi hư vô vắng lặng, lại bụi ngùi trước cuộc sống bon chen nơi trần tục khi nghe người lái đò ngân nga câu thơ:

"Còn duyên kẻ đón người đưa

Hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh"

Kim Bảng - Hà Nam, 7-1999

C ON ĐƯỜNG KHÔNG TÊN

Nó cũng có một cái tên nhưng đấy không phải là cái tên của nó. Người dân quê tôi vẫn gọi nó là "Đường đi chợ", chỉ là để phân biệt nó với "Đường đồng", "Đường cái", "Đường đầu đình"... Nhưng "Đường đi chợ" cũng có những hai con đường: Một đi chợ Sàng và một đi chợ Quế. Nó là con đường đi chợ Quế, nơi tôi vẫn thường đi học qua, bởi đó là con

đường ngắn nhất để đến trường. Mỗi người gọi nó với những cái tên khác nhau để nhớ về kỷ niệm của mình. Tôi cũng thế, tôi gọi nó là Nhật Lộ, nghĩa là con đường hàng ngày tôi đi qua.

Con đường này nhỏ lắm. Nó nằm trơ trụi nơi cánh đồng, nối liền thôn tôi và thôn Quế Lâm, trông xa như một sợi chỉ màu vàng nhạt vắt trên một tấm thảm xanh nhưng nhức của lúa đang thì con gái. Mặt đường nhỏ nên hai xe đạp đi ngược chiều nhau, tránh nhau rất khó. Điều đó đối với lũ trẻ con choai choai như chúng tôi thì lại là điều thích thú vì khi tránh nhau, chúng tôi vẫn có thể phóng nhanh, thậm chí còn biểu diễn những cú đánh võng ngoạn mục làm thót tim bao người đang làm đồng cạnh đó.

Ngày còn học cấp một, cấp hai, tôi chỉ đi qua con Nhật Lộ này ở mỗi chỗ đầu dốc. Nhưng cái đầu dốc ấy cũng đã nhen kín tuổi thơ tôi bằng những kỷ niệm khó quên. Năm mới vào học lớp Một, lớp Hai, tôi cùng lũ bạn đến trường phải đi chân trần, mặc quần đùi, lếch thếch xách theo cái túi xách may bằng vải xanh nhỏ xíu. Trời mưa, mỗi đứa được bố mẹ trang bị thêm cho một chiếc gậy tre để chống cho khỏi ngã. Vậy mà qua cái đầu dốc này, chúng tôi chẳng ai đi nổi xuống dốc nếu không bò hoặc ngồi xổm xê la dần xuống. Rồi cũng rút

được kinh nghiệm, mỗi đứa tự quán quanh mình một chiếc áo mưa rồi cứ lao xuống dốc. Ngã oành oạch nhưng không bản quần áo, chỉ cần lấy nước gột qua ngoài áo mưa là vẫn đến lớp được. Những ngày mưa, có khi mẹ tôi phải nhờ hai anh cùng xóm đang học lớp Bảy dắt đi. Qua đầu dốc, tôi thường bám chặt tay hai anh ấy để đu người lên khiến cho hai anh ngã dúm dụi vào nhau, rồi cứ thế đứng cười như nắc nẻ.

Ngày mùa, con đường lại oằn lưng công những xe lúa thồ nặng trĩu và há những cái miệng dài dài, nứt nẻ đòi mưa giữa cơn khát cháy cổ trong cái nắng như thiêu như đốt của mùa hè. Mẹ đội nắng tháng Năm lấp loáng trên vành nón, gánh lúa kê kẹt trên vai áo bạc phếch, cũ sồn, mồ hôi mẹ rơi xuống mặt đường làm cho con đường giật mình lau vội những giọt nước mắt tròn vo còn in dấu trên mặt đất. Mẹ kể cho tôi nghe ngày đánh Mỹ, làng tôi vui lắm vì có rất đông người nơi khác về sơ tán. Phía đông nam không xa là thị xã Phú Lý liên tục bị dội bom. Rất nhiều ụ pháo đã hiên ngang bắn trả quân thù. Dân quân làng tôi đã bắt được hai phi công Mỹ nhảy dù trên con Nhật Lộ này nhưng chưa vội giải ra huyện, mà dẫn về làng cho mọi người xem thằng giặc Mỹ mặt mũi, hình dáng như thế nào. Con Nhật Lộ ngày ấy bé hơn bây giờ, còn hai thằng giặc Mỹ thì to lớn kênh

càng nên khi bị giải đi hàng ngang trên con đường này, chúng chạm cả vai vào nhau và phải nghiêng nghiêng người thì mới bước đi được. Điều đó làm cho tôi cười nghiêng ngả cả trong những giấc mơ.

Lớn lên, ra học cấp ba trường huyện, con đường trở nên quen thuộc và gắn bó đến nỗi tôi đã thuộc từng hòn đá, từng chỗ lồi chỗ lõm của mặt đường. Bây giờ có nhắm mắt lại, tôi cũng có thể hình dung rất rõ ràng vị trí của những hòn đá nhỏ nằm chổng chơ, của những cái ổ gà, ổ voi mà chúng tôi thường lao xe đạp qua để tìm cảm giác mạnh. Mặt đường chỉ thay đổi sau khoảng thời gian của nắng và mưa, còn hai bên vệ đường thì thay đổi theo ba tháng mùa hè. Sau mỗi dịp hè, đầu năm học mới đi qua con đường này, tôi thường có cảm giác lạ lẫm, bâng khuâng khó tả. Những khóm muồng mọc xanh um, len kín vào nhau. Những bụi chuối cũng to hơn vì mọc thêm nhiều cây mới. Những thân cây phi lao, bạch đàn, xà cừ thì dường như trẻ lại với màu xanh mướt và những tiếng hát vi vu trong gió. Tôi và Tinh thường dừng lại dưới những tán cây xà cừ râm mát để nghỉ ngơi, hóng gió và để thưởng thức những que kem mát lạnh giữa cơn đói cồn cào sau tiết học thứ 5.

Kỷ niệm tôi nhớ nhất với con đường này vẫn là những ngày mưa, đường đất trơn lầy lội. Chúng tôi đi

học sớm hơn thường lệ đến nửa giờ mà vẫn bị muộn học bởi sau khi đi qua con đường này, chúng tôi phải mất thời gian khá lâu cho việc gạt những cuộn đất bám chặt, đóng kín ở các bánh xe và rửa qua xe cho đỡ bẩn. Phải gột cả quần nữa vì bùn đất dính bê bết. Những lúc ấy, chỉ cần lê được đôi dép khi đi bộ đã là một kỳ công chứ nói gì đến đi xe đạp và dắt xe. Chúng tôi bảo nhau: "Giá như có một người ngoại quốc, hay một người ở thành phố mà nhìn thấy cảnh này, chắc họ phải nể phục chúng tôi sát đất". Ngày mới vào lớp Mười, phải dắt xe đạp, nhìn những anh học lớp mười hai phóng xe qua mắt chúng tôi như biểu diễn xiếc mà đĩa nào cũng mất chữ O, môm chữ A. Nhiều lần chúng tôi cũng tập đi nhưng bị ngã xuống ruộng, bèo hoa dâu bám đầy quần như những bông hoa xanh lốm đốm. Rồi cũng đến lúc chúng tôi đi được xe đạp trên con đường trơn trượt này. Đó cũng là lúc chúng tôi bước sang lớp mười một và dù nhiều chỗ vẫn phải chống chân nhưng chúng tôi dám tự hào nói rằng: ngay cả diễn viên xiếc đi xe đạp trên đây có về đây đi xe thi với chúng tôi cũng phải thua dài.

Con đường nhỏ nên cũng vắng người qua lại. Ngoài ngày mùa ra, chỉ có những người đi chợ và thi thoảng mới có người nơi khác đi qua. Có lẽ vì thế mà chúng tôi coi nó như một người bạn gần gũi và thân thiết nhất, bởi